

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Anh Đức

- Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên họp: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Cháu Trần Bình N, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc S kết hôn tự nguyện có đăng ký vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Thời điểm kết hôn với anh S, chị đã có con riêng tên Nguyễn Bình N, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012. Sau kết hôn, giữa chị và anh S bàn bạc nhất trí để anh S nhận cháu N làm con nuôi, nhằm mục đích đổi sang họ Trần theo họ anh S cho phù hợp với cuộc sống của cháu sau này. Trong thời gian chung sống, giữa chị và anh S phát sinh mâu thuẫn, do

vậy chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh S và được Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn thụ lý, giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2021. Tại Quyết định có giao hai con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bình N và con chung của vợ chồng là Trần Thanh L. Quá trình giải quyết ly hôn đến nay anh S không có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục cháu Trần Bình N mà chỉ quan tâm đến con chung Trần Thanh L. Theo chị, nếu để cháu Trần Bình N làm con nuôi của anh S là không phù hợp, không có ý nghĩa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa anh Trần Ngọc S và con Trần Bình N.

Tại phiên họp, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ N yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa anh Trần Ngọc S với cháu Nguyễn Bình N.

- Tại lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên họp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị H đã trình bày. Thời điểm kết hôn, chị H đã có con riêng tên là Nguyễn Bình N, sinh ngày 12/11/2012. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu N nên anh và chị H bàn bạc và đi đến thống nhất để anh nhận cháu N làm con nuôi. Anh làm thủ tục và ngày 20/10/2017 được cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi giữa anh với cháu Trần Bình N. Từ đó cháu N chuyển sang họ Trần theo họ của anh. Trong cuộc sống chung vợ chồng, giữa anh với chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vậy chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn với anh. Vụ việc đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2021. Tại quyết định của Tòa án, giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc chấm dứt nuôi con nuôi giữa tôi với cháu Trần Bình N; theo anh, anh không phải là bố ruột của cháu N, để tránh những liên quan pháp lý sau này, anh nhất trí việc chấm dứt nuôi con nuôi giữa anh với cháu N như chị H yêu cầu.

- Tại lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên họp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Trần Bình N trình bày:

Cháu là con riêng của chị Nguyễn Thị H, cháu được anh Trần Trọng S nhận làm con nuôi. Năm 2018, chị H và anh S được Tòa án giải quyết cho ly hôn, từ lúc ly hôn đến nay, anh S không quan tâm gì đến cháu cả. Nay mẹ cháu Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa anh S với cháu thì cháu đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 48, Điều 361 và Điều 366 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung yêu cầu giải quyết: Căn cứ khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 25; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010 để chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc chị Nguyễn Thị H nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi; các đương sự đều trú tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 55; điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 10; Điều 26 luật nuôi con nuôi năm 2010 thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

[2] Về nội dung việc dân sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01, quyền số 01/2017, do Ủy ban nhân dân phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 10 năm 2017 thì việc anh Trần Ngọc S nhận cháu Nguyễn Bình N là hợp pháp, phù hợp với Luật nuôi con nuôi năm 2010.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H (Mẹ đẻ của cháu Trần Bình N) về việc chấm dứt nuôi con nuôi giữa anh Trần Ngọc S với cháu Trần Bình N: chị H cho rằng, sau khi chị và anh S ly hôn, anh S không có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà bỏ mặc đối với con nuôi là cháu N, chỉ chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thanh Lam. Nếu để cháu N làm con nuôi của anh S là không còn phù hợp, không có ý nghĩa.

Anh S cũng thừa nhận sau khi ly hôn với chị H, anh không thực hiện nghĩa vụ gì đối với cháu N, anh nhất trí theo yêu cầu của chị H về việc chấm dứt nuôi con nuôi giữa anh với cháu N.

Cháu N cũng đồng ý với chị H về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của anh S đối với cháu.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 25 Luật nuôi con nuôi 2010 thì việc nuôi con nuôi chấm dứt khi “Vi phạm quy định tại Điều 13 luật này”; tại khoản 3 Điều 13 Luật nuôi con nuôi năm 2010 quy định “Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi”. Quyền, nghĩa vụ của anh Trần Ngọc S đối với cháu Trần Bình N chấm dứt kể từ ngày Quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật theo quy

định tại khoản 1 Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010 và Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” thì chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 369; Điều 370; Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 10; khoản 4 Điều 25; khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 5 Điều 27 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

Căn cứ Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị H: Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa anh Trần Ngọc S với cháu Trần Bình N. Quyền và nghĩa vụ giữa anh Trần Ngọc S và cháu Trần Bình N chấm dứt kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Cháu Trần Bình N có quyền lấy lại họ của mình như trước khi được nhận làm con nuôi.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002297 ngày 10 tháng 5 năm 2021. Chị H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn được quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (Mười) ngày; Viện kiểm

sát nhân dân tỉnh Quảng Bình được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Anh Đức